

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 2 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 11
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122100388	Hồ Thị Chiêu	Anh	21/02/2004	CCQ2210J	8.9	7.0	7.8
2	2122100359	Nguyễn Phương	Anh	15/11/2004	CCQ2210J	7.5	6.8	7.1
3	2122100278	Nguyễn Trần Tuyết	Băng	08/02/2004	CCQ2210I	7.7	7.0	7.3
4	2122100282	Lê Hoàng Anh	Bửu	26/04/2004	CCQ2210I	8.1	6.8	7.3
5	2122100341	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	09/09/2004	CCQ2210I	7.4	7.2	7.3
6	2122100301	Trần Thị	Cúc	20/10/2004	CCQ2210I	7.5	6.4	6.8
7	2122100339	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	12/10/2004	CCQ2210I	0.0		0.0
8	2122100374	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	25/07/2004	CCQ2210J	6.4	7.6	7.1
9	2122100371	Trương Thị Mỹ	Duyên	04/09/2004	CCQ2210J	8.3	8.6	8.5
10	2122030147	Trịnh Tấn	Đạt	14/11/2004	CCQ2210J	8.1	6.0	6.8
11	2122100356	Bùi Lê Thu	Hà	04/03/2004	CCQ2210J	0.0		0.0
12	2122100309	Đỗ Thị Thu	Hà	21/01/2004	CCQ2210I	8.1	7.6	7.8
13	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	18/01/2003	CCQ2210J	8.1	6.8	7.3
14	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	CCQ2210I	7.9	8.0	8.0
15	2122100360	Lê Thị Phương	Hằng	31/01/2003	CCQ2210J	7.4	7.0	7.2
16	2118200022	Phạm Thị	Hằng	10/02/2000	CCQ1820A	0.0		0.0
17	2122100369	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	16/10/2004	CCQ2210J	7.1	8.8	8.1
18	2122100355	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	19/01/2004	CCQ2210J	7.8	7.6	7.7
19	2122100347	Hồ Thị Ngọc	Huệ	25/12/2004	CCQ2210J	8.6	7.4	7.9
20	2122100375	Phan Nguyễn Thùy	Hương	22/04/2003	CCQ2210J	8.3	8.2	8.2
21	2122100312	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Lê	05/03/2004	CCQ2210J	8.1	6.0	6.8
22	2122100361	Nguyễn Lê Hương	Mai	04/10/2004	CCQ2210J	8.2	7.6	7.8
23	2122100357	Trương Thị Ngọc	Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J	6.9	5.8	6.2
24	2122100277	Trịnh Thị Tuyết	Ngân	14/08/2004	CCQ2210I	8.2	7.2	7.6
25	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	01/01/2002	CCQ2210I	7.7	7.0	7.3

26	2122100368	Ông Thị Thanh	Nhã	25/01/2004	CCQ2210J	8.3	6.6	7.3
27	2122100344	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	31/01/2004	CCQ2210I	7.7	6.4	6.9
28	2122100352	Lê Thị Hồng	Nhung	05/05/2004	CCQ2210J	8.1	6.2	7.0
29	2122100284	Nguyễn Thị	Nhung	02/10/2004	CCQ2210I	2.6		0.0
30	2122100302	Dương Tuyết	Như	10/09/2004	CCQ2210I	7.1	8.0	7.6
31	2122100310	Huỳnh Thị Tú	Như	02/06/2003	CCQ2210I	0.0		0.0
32	2122100305	Lê Thị Ngọc	Như	21/07/2004	CCQ2210I	0.0		0.0
33	2122100280	Nguyễn Quỳnh	Như	17/10/2003	CCQ2210I	7.5	6.4	6.8
34	2122030148	Trịnh Tấn	Phát	14/11/2004	CCQ2210I	7.6	6.0	6.6
35	2122100365	Nguyễn Thị Kim	Phụng	04/02/2002	CCQ2210J	7.7	9.6	8.8
36	2122100279	Trần Kiều	Phương	25/12/2004	CCQ2210I	3.4		
37	2122100372	Nguyễn Thị Kim	Phượng	29/08/2004	CCQ2210J	7.8	9.0	8.5
38	2122100349	Ngô Thị Kim	Quỳnh	29/01/2004	CCQ2210J	7.3	6.6	6.9
39	2122100308	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	24/10/2004	CCQ2210I	7.8	6.8	7.2
40	2122100303	Trần Nguyễn Kim	Quỳnh	17/07/2004	CCQ2210I	8.3	6.4	7.2
41	2122240036	Báo Nữ Diễm	Quỳnh	10/11/2004	CCQ2210I	0.0		0.0
42	2122100367	Trần Ngọc	Sơn	13/03/2004	CCQ2210J	7.9	7.2	7.5
43	2122100294	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	19/03/2004	CCQ2210I	0.0		0.0
44	2122100350	Phạm Võ Như	Tâm	04/02/2004	CCQ2210J	7.6	7.4	7.5
45	2122100370	Nguyễn Thị Kim	Thảo	27/06/2004	CCQ2210J	8.4	7.4	7.8
46	2122100373	Võ Thị	Thảo	30/12/2004	CCQ2210J	0.0		0.0
47	2122100340	Lê Thanh	Thi	07/07/2004	CCQ2210I	7.9	6.4	7.0
48	2122100285	Nguyễn Minh	Thi	13/07/2004	CCQ2210I	7.9	7.4	7.6
49	2122100386	Nguyễn Thị	Thoa	14/02/2004	CCQ2210I	8.1	7.0	7.4
50	2122100290	Nguyễn Thị Kim	Thỏa	10/10/2002	CCQ2210I	7.7	6.6	7.0
51	2122100358	Vũ Thị Mộng	Thơ	04/10/2004	CCQ2210J	7.7	6.0	6.7
52	2122100346	Lê Thị Ngọc	Thơ	21/04/2004	CCQ2210J	7.1	7.4	7.3
53	2122100362	Đỗ Ngọc	Tiên	29/09/2004	CCQ2210J	8.5	7.4	7.8
54	2122170804	Bùi Quốc	Toàn	17/04/2004	CCQ2210J	0.0		0.0
55	2122100288	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/06/2004	CCQ2210I	7.2	6.2	6.6
56	2122100304	Võ Thùy	Trang	26/07/2004	CCQ2210I	7.1	7.4	7.3
57	2122100366	Phạm Huyền	Trâm	26/11/2004	CCQ2210J	7.9	6.8	7.2
58	2122120137	Nguyễn Thanh	Trầm	20/03/2004	CCQ2210I	6.9	7.0	7.0
59	2122100385	Đổng Nguyễn Ngọc	Trân	26/10/2004	CCQ2210I	8.0	6.8	7.3
60	2122100348	Nguyễn Thị Phương	Trúc	25/01/2003	CCQ2210J	8.2	8.6	8.4

61	2122100291	Phạm Thị Thanh	Trúc	15/06/2003	CCQ2210I	8.6	7.8	8.1
62	2122100289	Nguyễn Lê Ái	Vân	02/03/2004	CCQ2210I	6.7	7.2	7.0
63	2122100353	Nguyễn Thị Thanh	Vân	29/06/2000	CCQ2210J	0.0		0.0
64	2122100387	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	31/01/2004	CCQ2210J	7.9	7.4	7.6
65	2122100351	Nguyễn Thị Thúy	Vy	05/04/2004	CCQ2210J	8.2	7.8	8.0
66	2122100354	Trần Thúy	Vy	11/02/2004	CCQ2210J	0.0		0.0
67	2122100286	Trương Thị Lệ	Vy	27/09/2003	CCQ2210I	7.2	5.0	5.9
68	2122100364	Mai Như	Ý	02/02/2001	CCQ2210J	8.2	8.2	8.2
69								
70								
71								
72								
73								
74								
75								
76								
77								
78								
79								
80								
81								
82								
83								
84								
85								
86								
87								

Tp. Thủ Đức, ngày 13 tháng 03 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2- Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 11
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122100388	Hồ Thị Chiêu	Anh	21/02/2004	CCQ2210J	7.0	7.0	8.0	10.0	10.0	8.9	
2	2122100359	Nguyễn Phương	Anh	15/11/2004	CCQ2210J	7.0	5.0	8.0	8.3	8.0	7.5	
3	2122100278	Nguyễn Trần Tuyết	Băng	08/02/2004	CCQ2210I	6.5	7.0	8.0	6.3	10.0	7.7	
4	2122100282	Lê Hoàng Anh	Bửu	26/04/2004	CCQ2210I	7.0	6.5	5.5	10.0	9.0	8.1	
5	2122100341	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	09/09/2004	CCQ2210I	7.0	8.5	8.0	5.0	9.0	7.4	
6	2122100301	Trần Thị	Cúc	20/10/2004	CCQ2210I	7	7.5	8	6	9	7.5	
7	2122100339	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	12/10/2004	CCQ2210I						0.0	
8	2122100374	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	25/07/2004	CCQ2210J	5.5	6.5	8.0	2.3	10.0	6.4	
9	2122100371	Trương Thị Mỹ	Duyên	04/09/2004	CCQ2210J	6.5	7.5	8.0	8.0	10.0	8.3	
10	2122030147	Trịnh Tấn	Đạt	14/11/2004	CCQ2210J	6.5	7.0	5.5	10.0	9.0	8.1	
11	2122100356	Bùi Lê Thu	Hà	04/03/2004	CCQ2210J						0.0	
12	2122100309	Đỗ Thị Thu	Hà	21/01/2004	CCQ2210I	7.0	6.5	8.0	8.7	9.0	8.1	
13	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	18/01/2003	CCQ2210J	6.0	7.0	8.0	9.0	9.0	8.1	
14	2122100281	Đặng Thị Thanh	Hằng	09/02/2004	CCQ2210I	6.5	7.5	8.0	7.7	9.0	7.9	
15	2122100360	Lê Thị Phượng	Hằng	31/01/2003	CCQ2210J	7.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.4	
16	2118200022	Phạm Thị	Hằng	10/02/2000	CCQ1820A						0.0	
17	2122100369	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	16/10/2004	CCQ2210J	6.5	8.0	7.5	5.0	9.0	7.1	
18	2122100355	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	19/01/2004	CCQ2210J	5.5	7.5	7.5	8.0	9.0	7.8	
19	2122100347	Hồ Thị Ngọc	Huệ	25/12/2004	CCQ2210J	7.0	7.0	8.0	10.0	9.0	8.6	
20	2122100375	Phan Nguyễn Thùy	Hương	22/04/2003	CCQ2210J	7.0	6.5	7.5	9.7	9.0	8.3	
21	2122100312	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Lê	05/03/2004	CCQ2210J	6.0	7.5	8.0	8.7	9.0	8.1	
22	2122100361	Nguyễn Lê Hương	Mai	04/10/2004	CCQ2210J	7.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.2	
23	2122100357	Trương Thị Ngọc	Mỹ	03/10/2004	CCQ2210J	5.5	6.0	8.0	5.3	9.0	6.9	
24	2122100277	Trịnh Thị Tuyết	Ngân	14/08/2004	CCQ2210I	6.5	7.5	8.0	8.7	9.0	8.2	
25	2122100283	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	01/01/2002	CCQ2210I	6.5	8.0	8.0	6.7	9.0	7.7	
26	2122100368	Ông Thị Thanh	Nhã	25/01/2004	CCQ2210J	5.5	6.5	8.0	9.0	10.0	8.3	

27	2122100344	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	31/01/2004	CCQ2210I	6.5	8.0	8.0	6.7	9.0	7.7	
28	2122100352	Lê Thị Hồng	Nhung	05/05/2004	CCQ2210J	6.5	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	
29	2122100284	Nguyễn Thị	Nhung	02/10/2004	CCQ2210I							
30	2122100302	Dương Tuyết	Như	10/09/2004	CCQ2210I	7.0	7.0	8.0	4.7	9.0	7.1	
31	2122100310	Huỳnh Thị Tú	Như	02/06/2003	CCQ2210I						0.0	
32	2122100305	Lê Thị Ngọc	Như	21/07/2004	CCQ2210I						0.0	
33	2122100280	Nguyễn Quỳnh	Như	17/10/2003	CCQ2210I	7	7.5	8	8	7	7.5	
34	2122030148	Trịnh Tấn	Phát	14/11/2004	CCQ2210I	6.0	6.0	5.5	8.7	9.0	7.6	
35	2122100365	Nguyễn Thị Kim	Phụng	04/02/2002	CCQ2210J	6.5	7.0	7.5	7.3	9.0	7.7	
36	2122100279	Trần Kiều	Phượng	25/12/2004	CCQ2210I	7.0	7.0			5.0	3.4	
37	2122100372	Nguyễn Thị Kim	Phượng	29/08/2004	CCQ2210J	6.5	6.0	7.5	8.3	9.0	7.8	
38	2122100349	Ngô Thị Kim	Quỳnh	29/01/2004	CCQ2210J	6.0	6.0	8.0	6.7	9.0	7.3	
39	2122100308	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	24/10/2004	CCQ2210I	7.0	7.0	8.0	7.3	9.0	7.8	
40	2122100303	Trần Nguyễn Kim	Quỳnh	17/07/2004	CCQ2210I	7.5	7.5	8.0	7.7	10.0	8.3	
41	2122240036	Báo Nữ Diễm	Quỳnh	10/11/2004	CCQ2210I						0.0	
42	2122100367	Trần Ngọc	Sơn	13/03/2004	CCQ2210J	7.0	7.0	5.5	9.0	9.0	7.9	
43	2122100294	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	19/03/2004	CCQ2210I						0.0	
44	2122100350	Phạm Võ Như	Tâm	04/02/2004	CCQ2210J	6.0	7.5	8.0	6.7	9.0	7.6	
45	2122100370	Nguyễn Thị Kim	Thảo	27/06/2004	CCQ2210J	7.0	8.0	8.0	9.0	9.0	8.4	
46	2122100373	Võ Thị	Thảo	30/12/2004	CCQ2210J						0.0	
47	2122100340	Lê Thanh	Thi	07/07/2004	CCQ2210I	7.0	8.0	8.0	7.3	9.0	7.9	
48	2122100285	Nguyễn Minh	Thi	13/07/2004	CCQ2210I	6.0	7.0	8.0	8.0	9.0	7.9	
49	2122100386	Nguyễn Thị	Thoa	14/02/2004	CCQ2210I	7.0	7.0	8.0	8.3	9.0	8.1	
50	2122100290	Nguyễn Thị Kim	Thỏa	10/10/2002	CCQ2210I	6.0	6.5	8.0	7.7	9.0	7.7	
51	2122100358	Vũ Thị Mộng	Thơ	04/10/2004	CCQ2210J	6.5	7.5	8.0	7.0	9.0	7.7	
52	2122100346	Lê Thị Ngọc	Thơ	21/04/2004	CCQ2210J	6.5	7.5	8.0	5.0	9.0	7.1	
53	2122100362	Đỗ Ngọc	Tiên	29/09/2004	CCQ2210J	7.0	7.0	8.0	9.7	9.0	8.5	
54	2122170804	Bùi Quốc	Toàn	17/04/2004	CCQ2210J						0.0	
55	2122100288	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/06/2004	CCQ2210I	6.5	6.0	8.0	6.0	9.0	7.2	
56	2122100304	Võ Thùy	Trang	26/07/2004	CCQ2210I	7.0	7.0	8.0	5.0	9.0	7.1	
57	2122100366	Phạm Huyền	Trâm	26/11/2004	CCQ2210J	6.0	7.0	8.0	8.3	9.0	7.9	
58	2122120137	Nguyễn Thanh	Trâm	20/03/2004	CCQ2210I	7.0	7.0	8.0	8.0	5.0	6.9	
59	2122100385	Đổng Nguyễn Ngọc	Trân	26/10/2004	CCQ2210I	5.5	7.0	8.0	9.7	8.0	8.0	
60	2122100348	Nguyễn Thị Phương	Trúc	25/01/2003	CCQ2210J	7.0	7.5	7.5	7.7	10.0	8.2	
61	2122100291	Phạm Thị Thanh	Trúc	15/06/2003	CCQ2210I	7.5	7.5	8.0	9.7	9.0	8.6	
62	2122100289	Nguyễn Lê Ái	Vân	02/03/2004	CCQ2210I	5.5	6.0	8.0	4.7	9.0	6.7	
63	2122100353	Nguyễn Thị Thanh	Vân	29/06/2000	CCQ2210J						0.0	
64	2122100387	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	31/01/2004	CCQ2210J	5.5	7.0	8.0	8.3	9.0	7.9	

65	2122100351	Nguyễn Thị Thúy	Vy	05/04/2004	CCQ2210J	7.0	7.0	7.5	9.0	9.0	8.2	
66	2122100354	Trần Thúy	Vy	11/02/2004	CCQ2210J						0.0	
67	2122100286	Trương Thị Lệ	Vy	27/09/2003	CCQ2210I	6.0	6.0	8.0	5.3	10.0	7.2	
68	2122100364	Mai Như	Ý	02/02/2001	CCQ2210J	6.0	7.0	5.5	9.3	10.0	8.2	
69												
70												
71												
72												
73												
74												
75												
76												
77												
78												
79												
80												
81												
82												
83												
84												
85												
86												
87												

Tp. Thủ Đức, ngày 13 tháng 03 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục